Phòng Giáo Dục và Đào Tạo Tân Sơn

Trường PTDTBTTHCS Xuân Đài

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN TOÁN - LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | | **Tổng % điểm** | |
| **Nhận biết** | | | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |  | |
| **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  | |
| **1** | **Số hữu tỉ**  **(12T)** | Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ (4 Tiết) | 2( Câu 1,2) | |  | |  |  |  | |  |  |  | **5** | |
| Các phép tính với số hữu tỉ (8 Tiết) |  | | 1( Câu 1a) | | 2 ( Câu 3;4) | 1( Câu 1b) |  | | 2  (Câu 2ab) |  | 2(câu 5a;b) | **35** | |
| **2** | **Số thực**  **(10 T)** | Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn(2T) | 4( Câu 7,8) | |  | |  |  |  | | 1 ( Câu 3) |  |  | **30** | |
| Căn bậc hai số học (1T) | 1 ( Câu 5) | |  | |  |  |  | |  |  |  | **2,5** | |
| Số vô tỉ. Số thực (1T) | 1 ( Câu 6) | |  | |  |  |  | |  |  |  | **2,5** | |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản**  **(10T)** | Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc (3T) |  | | 1 (Câu 4a) | |  |  |  | |  |  |  | **5** | |
| Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song (7T) | 1 (Câu 11) | |  | | 1 (Câu 12) | 2 ( Câu 4bc) |  | |  |  |  | **20** | |
| Khái niệm định lí, chứng minh một định lí | 1(câu 9) | |  | | 1(câu 10) |  |  | |  |  |  | **5** | |
| **Tổng** | | | | 2 | | 1 | 1 | 2 |  | | 3 |  | 1 |  | |
| **Tỉ lệ %** | | | | 30% | | | 30% | |  | | 30% |  | 10% | **100** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **60** | | | | | | **40** | | | | | **100** | |

**2b. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN TOÁN - LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **ĐẠI SỐ** | | | | | | | |
| **1** | Số hữu tỉ | Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ | **Nhận biết:**  – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.  – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.  – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.  – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. | ((TN1 | (TN1) |  |  |
| **Thông hiểu:**  – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số. |  |  |  |  |
| Các phép tính với số hữu tỉ | **Thông hiểu:**  – Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa).  – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. |  | (TL2) |  |  |
|  | **Vận dụng:**  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)***gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...). |  |  | (TN 3,4) | 2  (TL 5a,b) |
| **2** | Số thực | Căn bậc hai số học  Số vô tỉ. Số thực | **Nhận biết:**  – Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm. | 1  (TN 5) | 1  (TN 6) |  |  |
|  | Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn | **Vận dụng:**  – Vận dụng được tính chất của tỉ số của hai số trong giải toán.  – Vận dụng được Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn trong giải toán (ví dụ: chia một số thành các phần với các số cho trước,...). |  |  | 5  (TL)  (TN 7,8,) | 2 |
| **5** | Các hình hình học cơ bản | Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc  Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.  ***Thông hiểu:***  – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song.  – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong. | 3  (TL4a)  (TN 11) | 3  (TN 12)  (TL 4b) | 2  (TN12)  (TL 4c) |  |

**I. Trắc nghiệm:** (3đ) *Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau:*

**Câu 1**: Số nào sau đây biểu diễn số hữu tỉ 0,5? (NB)

A)  B)  C)  D) 

**Câu 2**: Số lớn nhất trong các số -1; ; ; 0 là( NB)

A) -1 B)  C) 0 D) 

**Câu 3**: Kết quả của phép tính  là(VD)

A)  B)  C)  D)

**Câu 4**: Cho biểu thức . Hãy chọn đáp số đúng: (VD)



**Câu 5:**  Các căn bậc hai của 9 là: (NB)

A. -3 B. 3 C. ± 3 D. 81

**Câu 6:** Số nào sau đây là số vô tỉ: (TH)

A.  B.  C.  D. 

**Câu 7** Cho , tìm giá trị ?(VD)

A.  hoặc  B. 

C.  hoặc  D. 

**Câu 8:** Cho tỉ lệ thức: , hỏi x=?(VD)

A. 12 B.18,75 D. 0,48 D.108

**Câu 9:** Cho các đường thẳng a, b, c và d biết  và c//d. Khi đó ( NB)

A)  B)  C) b//d D) a//d

**Câu 10:** Cho hình vẽ. Biết a//b. Khi đó kết luận nào sau đây là không đúng?(TH)

|  |  |
| --- | --- |
|  | A) Â1 = Â3  B) Â1 = B1  C) A1 + B3 = 1800  D) A1 + B4 = 1800 |

**Câu 11** Cho hình vẽ dưới đây, và  là một cặp góc (NB)

|  |  |
| --- | --- |
| A. đồng vị.  B. trong cùng phía.  C. so le trong.  D. so le ngoài . |  |

**Câu 12** Cho hình vẽ dưới đây, tính số đo.(TH)



|  |  |
| --- | --- |
| A.  B.  C.  D. |  |

**II. Tự luận: (7 điểm)**

**Bài 1: (1,0 điểm)**  Thực hiện phép tính:

a)  (NB) b)  (TH)

**Bài 2: (1,0 điểm)** (VD)

Tìm x

a)  b) 

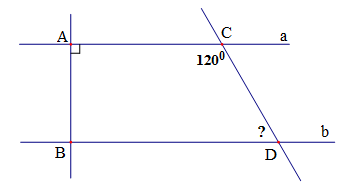
**Bài 3: (2,0 điểm)** (VD)

**a,** Viết dưới dạng số thập phân.

; ; ;

**b,** Mẹ bạn hoa đi công tác bằng máy bay biết rằng máy bay khởi hành lúc 2 giờ 40 phút chiều. Nhưng phải đến trước ít nhất 2 giờ để làm thủ tục. Thời gian đi từ nhà đến sân bay là 45 phút. Hỏi mẹ bạn Hoa phải đi từ nhà ít nhất mấy giờ?

**Bài 4: (2,0 điểm)**  Cho hình vẽ:

****

Biết a//b , = 900,  = 1200.

1. Học sinh vẽ lại hình vào giấy thi. (NB)
2. Đường thẳng b có vuông góc với đường thẳng AB không? Vì sao? TH

c. Tính số đo . TH

**Bài 5: (1,0 điểm)**  **Vận dụng cao**

a. Tính 

b. Tìm x, y, z biết:  và xy+ yz+ zx = 2000

**------------------------Hết------------------------**

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ KSCL GIỮA HKI TOÁN 7**

**I.Trắc nghiệm**: *Mỗi ý đúng được 0,2 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đáp án** | D | C | A | B | C | B | C | C | A | B | B | B |

**II.Tự luận:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Sơ lược đáp án** | **Điểm** |
| **1/a** |  | 0,25 x 2 |
| **1/b** |  | 0,25 x 2 |
| **2/a** | ….. x = -2,5 | 0,25 đ x 2 |
| **2/b** | ⬄  Học sinh tìm đúng ; Học sinh tìm đúng | 0,25 đ  0,25 đ |
| **3** | a,Viết dưới dạng số thập phân.  ;  ;  ;  ;  b, Đổi 2gio 40 phút chiều = 14 giờ 40 phút  mẹ bạn hoa phải đi từ nhà ít nhất là:  14 giờ 40 phút – 2 giờ -45 phút = 11 giờ 55 phút | 0,5 đ  0,5 đ  0,5 đ  0,5 đ |
| **4** | a. Vẽ lại hình đúng.  b. Ta có : a vuông góc với đường thẳng AB, mà a//b. Nên b vuong góc với đường thẳng AB.  c. Vì a // b Nên  (2 góc trong cùng phía)  =>  = 1800 – 1200 = 600 | 0,5 đ  0,75 đ  0,75 đ |
| **5.a** |  | 0,5 đ |
| **5.b** | Từ => …. =>  thay vào điều kiện xy+ yz+ zx = 2000 ta được k = 2; k = - 2  =>(x;y;z) = (20;28;30), (-20;-28;-30) | 0,25 đ  0,25 đ |